

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG
NHÓM NGÀNH NGHỆ THUẬT**

*(Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông
về phát triển chương trình đào tạo)*

Hà Nội 2015

BAN BIÊN SOẠN TÀI LIỆU:

TS. Nguyễn Hải Thập, Phó Cục trưởng Cục NG&CBQLCSGD - Trưởng ban
PGS.TS Phạm Hồng Quang - Phó trưởng ban

CÁC THÀNH VIÊN:

TS. Hà Lê Kim Anh
TS. Đào Đức Doãn
TS. Phạm Đông Đức
PGS.TS.Nguyễn Phúc Chính
PGS.TS Hoàng Thị Chiên
Ths.Trần Thị Hương Giang
PGS.TS Cao Thị Hà
TS. Vũ Hồng Hạnh
TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền
PGS.TS Nguyễn Thị Hồng
TS. Đỗ Thế Hưng
PGS.TS Nguyễn Văn Khôi
TS. Đỗ Tuấn Minh
TS. Nguyễn Danh Nam
GS.TS Bùi Văn Nghị
Th.s Phạm Thị Nụ
PGS.TS Đỗ Hải Phong
PGS.TS Ngô Thị Thanh Quý
PGS.TS Bùi Trung Thành
PGS.TS Hà Thị Thu Thủy
TS. Hà Quang Tiến
PGS.TS Nguyễn Thị Tính
PGS.TS Trịnh Hoài Thu
TS. Trần Đình Tuấn

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:

**CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

MỤC LỤC

	Trang
• TIÊU MÔ ĐUN 1	2
• TIÊU MÔ ĐUN 2.....	7
• TIÊU MÔ ĐUN 3	19
• ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC.....	33

Tiểu mô đun 1. KỸ THUẬT XÂY DỰNG HỒ SƠ NĂNG LỰC SINH VIÊN

1. Mục tiêu

- Phân tích chương trình môn Âm nhạc, Mỹ thuật ở phổ thông của Việt Nam và một số nước trên thế giới.
- Xây dựng hồ sơ nghề nghiệp của giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.
- Xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật.

2. Phương pháp học tập

- Hoạt động nhóm: phương pháp động não.

3. Phương tiện tập huấn:

- Máy tính + Máy chiếu (cho báo cáo viên)
- Máy tính

4. Sản phẩm đạt được

- 1) Nắm được chương trình môn Âm nhạc, Mỹ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông mới.
- 2) Xây dựng hồ sơ nghề nghiệp giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật và hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật

5. Nội dung



Hoạt động 1: Tìm hiểu về chương trình môn Âm nhạc, Mỹ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông mới

Học viên đọc tài liệu và đưa ra nhận định của mình về những vấn đề sau:

- Chương trình môn Âm nhạc, Mỹ thuật phổ thông mới có gì thay đổi so với chương trình môn Âm nhạc, Mỹ thuật hiện hành?
- So sánh hồ sơ nghề nghiệp của giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật và hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật trong thời điểm hiện tại có đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông?



Thông tin cơ bản cho hoạt động 1

Chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh phát triển khả năng vốn có của bản thân, hình thành tính cách và thói quen; Phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần; Trở thành người học tích cực, tự tin, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời; Có những phẩm chất tốt đẹp và các năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động cần cù, có tri thức và sáng tạo.

Chương trình giáo dục phổ thông nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu như sống yêu thương, sống tự chủ, sống trách nhiệm; hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực chung như: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

Lĩnh vực giáo dục Nghệ thuật có ưu thế hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất: nhân ái, khoan dung, tự tin; các năng lực: thẩm mỹ, giao tiếp, hợp tác,

cảm thụ, hiểu biết và thực hành nghệ thuật; Định hướng thẩm mỹ, bồi dưỡng hứng thú cho học sinh khi tiếp xúc với các hoạt động nghệ thuật; Giáo dục tình cảm yêu quý, thái độ tôn trọng, ý thức bảo tồn những giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống đồng thời với việc sáng tạo trong quá trình hội nhập và giao thoa văn hoá.

Lĩnh vực giáo dục Nghệ thuật được thực hiện thông qua nhiều môn học và hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trong đó có hai môn học cốt lõi là Mỹ thuật và Âm nhạc. Kiến thức cơ bản về Mỹ thuật và Âm nhạc là nội dung học ở giai đoạn giáo dục cơ bản. Các hoạt động Mỹ thuật, Âm nhạc có nhiều trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo (TC3) ở tất cả các cấp học.

a) Mỹ thuật

- Giai đoạn giáo dục cơ bản:

Nội dung chủ yếu của môn học ở giai đoạn này nhằm hình thành ở học sinh cảm xúc trước thiên nhiên và đời sống xã hội thông qua việc nhận biết về màu sắc, đường nét, hình thể và những biến chuyển sinh động của các sự vật, đồ vật, hiện tượng. Học sinh biết cách thể hiện cảm xúc, tư duy bằng ngôn ngữ tạo hình một cách đơn giản trên mặt phẳng hai chiều và trong không gian ba chiều.

Phương pháp dạy học chủ yếu là trực quan và thực hành sáng tạo thông qua các chủ đề học tập phù hợp với tâm lý lứa tuổi, phù hợp điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, lớp học. Mỗi chủ đề học tập được giải quyết bằng chuỗi các thao tác tạo hình nhằm hình thành kỹ năng tạo hình cho học sinh thông qua cách nhận diện, phân tích, xử lý màu sắc, đường nét, hình khối, công nghệ số để thể hiện cảm xúc cá nhân. Ở cấp tiểu học, tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo nghệ thuật theo nhóm bên cạnh các hoạt động độc lập cá nhân của học sinh; Đa dạng hoá không gian học tập (học trong và ngoài phạm vi lớp học). Ở cấp trung học cơ sở, tăng cường các hoạt động cá nhân để học sinh có cơ hội thể hiện tư duy độc lập và những sáng tạo cá nhân; Tạo cơ hội cho học sinh khám phá năng lực tạo hình của bản thân thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các dự án học tập của môn mỹ thuật hoặc của nhóm các môn học.

Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập chủ yếu thông qua kết quả các dự án học tập được giao; Đánh giá xúc cảm thẩm mỹ, năng lực thực hành, sáng tạo mỹ thuật thông qua cách biểu đạt ngôn ngữ nghệ thuật mang dấu ấn cá nhân của học sinh ở các sản phẩm đơn lẻ trong chuỗi bài tập cũng như kết quả sản phẩm cuối cùng của nhóm học tập; đánh giá ý thức nghệ thuật của mỗi học sinh thông qua các hoạt động tập thể, cộng đồng.

- Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp:

Nội dung học tập mỹ thuật giai đoạn này tập trung hướng dẫn cách sử dụng, xử lý một số chất liệu tạo hình thông dụng như: màu nước, màu bột, sơn dầu, khắc gỗ, điêu khắc, kỹ thuật số,... Học sinh được học cách phát hiện chủ đề và cách lựa chọn chất liệu. Mạch nội dung được thiết kế theo các mô đun: mô đun chất liệu để lựa chọn

chủ đề hoặc mô đun chủ đề để lựa chọn chất liệu; Hình thành kỹ năng hình họa căn bản, trong đó tập trung các kỹ thuật, thủ thuật quan sát, ghi nhớ và tái hiện lại sự vật, con người bằng chất liệu phù hợp.

Phương pháp dạy học chủ yếu là trực quan và thực hành sáng tạo. Tăng cường cho học sinh giải quyết các nội dung học tập một cách độc lập.

Hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập: Kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá tổng kết trong và sau khi học sinh hoàn thành mỗi mô đun. Trong đó, đánh giá tư duy thẩm mỹ thông qua việc lựa chọn chất liệu, lựa chọn chủ đề phù hợp, cách biểu đạt cảm xúc và lượng thông tin qua sản phẩm; đánh giá năng lực tạo hình thông qua cách sử dụng, xử lý chất liệu, sản phẩm tạo được ấn tượng và cảm xúc cho người xem.

b) Âm nhạc

Nội dung bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng về học hát, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, lý thuyết và thưởng thức âm nhạc. Qua việc học những nội dung đó giúp học sinh hình thành và phát triển các năng lực thực hành, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

- *Giai đoạn giáo dục cơ bản:* Học sinh được trải nghiệm, khám phá và thể hiện bản thân mình trong môi trường âm nhạc, thông qua các hoạt động: ca hát, nghe nhạc, vận động, nhảy múa, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, trình diễn, sáng tạo âm nhạc. Học sinh nhận thức được sự đa dạng của thế giới âm nhạc, mối liên hệ giữa âm nhạc với văn hoá, lịch sử và các loại nghệ thuật, học sinh có ý thức bảo vệ và phổ biến các giá trị âm nhạc truyền thống.

- *Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp:* Học sinh phát triển được năng khiếu âm nhạc, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng âm nhạc vào đời sống. Học sinh tìm hiểu, tiếp cận với những nghề nghiệp liên quan đến âm nhạc.

Phương pháp dạy học cần sử dụng các phương pháp truyền thống, kết hợp với phương pháp dạy học Âm nhạc tiên tiến, sử dụng hợp lý nhạc cụ, phương tiện nghe nhìn và công nghệ thông tin. Hình thức tổ chức dạy học Âm nhạc cần thông qua các hoạt động trải nghiệm, khám phá, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

Đánh giá kết quả học tập cần đảm bảo sự toàn diện về các năng lực, đầy đủ về các nội dung, chú trọng đánh giá năng lực thực hành âm nhạc; khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động âm nhạc ở trong và ngoài nhà trường.

Hoạt động 2: Xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm AN-MT

Học viên đọc tài liệu và đưa ra nhận định của mình về vấn đề sau:

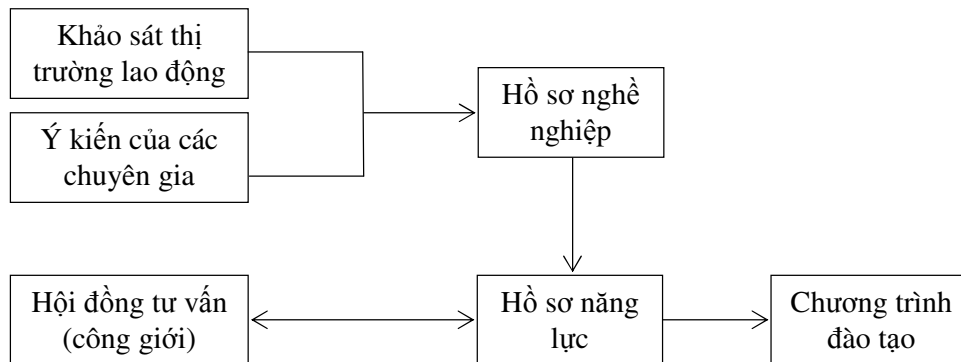
Cần bổ sung vào hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp những năng lực gì để có thể đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn âm nhạc, Mỹ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông mới?

Thông tin cơ bản cho hoạt động 2

Để xây dựng hồ sơ nghề nghiệp giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật chúng ta cần tiến hành khảo sát thị trường lao động và tham chiếu với mục tiêu của môn Âm nhạc, Mỹ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông mới, ví dụ như trong môn Âm nhạc học sinh được: trải nghiệm trong môi trường âm nhạc, thông qua các hoạt động: ca hát, nghe nhạc, vận động, nhảy múa, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, trình diễn, sáng tạo âm nhạc. Do đó, người giáo viên cũng cần phải có những kỹ năng này để giúp học sinh hình thành và phát triển những kỹ năng tương ứng.

Dựa trên hồ sơ nghề nghiệp giáo viên, chương trình đào tạo giáo viên cần phát triển cho sinh viên tốt nghiệp những năng lực cần thiết, có thể tiệm cận tới những tiêu chuẩn trong hồ sơ nghề nghiệp. Ta có thể gọi là hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Hồ sơ năng lực sinh viên là cơ sở để xác định nội dung các mô đun kiến thức, phương pháp tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của mình,

Đối với ngành sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật, hồ sơ năng lực chính là tập hợp những năng lực và phẩm chất mà sinh viên cần đạt được để đảm nhận việc giảng dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật ở trường phổ thông, trong những môi trường khác nhau sau khi tốt nghiệp. Để xây dựng được hồ sơ năng lực sinh viên, ta cần dựa trên phân tích kết quả khảo sát thị trường lao động, tham vấn ý kiến chuyên gia trong và ngoài nước và đối chiếu với yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông. Từ đó, các cơ sở đào tạo giáo viên mới có thể xác định được các mô-đun kiến thức trong chương trình đào tạo nhằm phát triển những năng lực của sinh viên trong hồ sơ năng lực đã xây dựng. Ta có thể đưa ra quy trình xây dựng hồ sơ năng lực của sinh viên như sau:



Dựa trên nghiên cứu thực tiễn và tham vấn ý kiến chuyên gia, chúng tôi đề xuất nhóm các năng lực chung và nhóm các năng lực đặc thù được trình bày trong hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm AN- MT ở các mức độ khác nhau (cao, trung bình, thấp):

TT	Nhóm các năng lực chung	Mức độ
1	Năng lực phân tích và tổng hợp	Trung bình

2	Năng lực lập kế hoạch và quản lý	Thấp
3	Năng lực giao tiếp	Cao
4	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	Thấp
5	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Cao
6	Năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học	Cao
7	Năng lực tự học, tự bồi dưỡng	Cao
8	Năng lực giúp đỡ đồng nghiệp phát triển nghề nghiệp	Trung bình
9	Năng lực làm việc theo nhóm	Cao
10	Năng lực làm việc trong môi trường đa văn hóa	Thấp
11	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong thực tiễn	Cao
12	Năng lực làm việc theo nhóm liên ngành	Trung bình
13	Năng lực tư vấn, hỗ trợ tâm lý học đường và hướng nghiệp	Thấp
14	Năng lực dạy học tích hợp và phân hóa	Cao
15	Năng lực liên hệ kiến thức môn học với các vấn đề trong thực tiễn	Trung bình
16	Năng lực xử lý các tình huống sư phạm	Cao
17	Năng lực nghiên cứu và phát triển chương trình dạy học	Cao
18	Năng lực tổ chức các hoạt động xã hội	Thấp
19	Năng lực giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Thấp
20	Năng lực tư duy phê phán	Trung bình
21	Đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề dạy học	Cao
	Nhóm các năng lực đặc thù	
22	Năng lực cảm thụ thẩm mỹ	Cao
23	Năng lực quan sát nhận xét	Trung bình
24	Năng lực thực hành sáng tạo tác phẩm nghệ thuật	Cao
25	Năng lực phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu	Trung bình
26	Năng lực thiết kế và sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học	Trung bình
27	Năng lực thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học	Cao
28	Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Trung bình
29	Năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực	Cao

Tóm lại, để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, người giáo viên cần được đào tạo và bồi dưỡng những năng lực mới được trình bày ở trên như: Năng lực nghiên cứu và phát triển chương trình dạy học; năng lực dạy học tích hợp; năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh; năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Đây là nhóm năng lực được đề xuất phát triển ở mức độ cao trong chương trình đào tạo giáo viên. Ngoài ra, theo kết quả điều tra thực tế, nhiều kiến nghị đưa ra tập trung rèn luyện cho sinh viên một số năng lực như: Năng lực giao tiếp, năng lực tổ chức các hoạt động xã hội, năng lực xử lý tình huống sư phạm và năng lực tư vấn tâm lý học đường và hướng nghiệp.

Tiểu mô đun 2. XÂY DỰNG CÁC MÔ ĐUN KIẾN THỨC

1. Mục tiêu: Nhằm chia sẻ cách thức để xây dựng các mô đun kiến thức để hình thành các năng lực chung và riêng cho sinh viên ngành Âm nhạc- Mỹ thuật

2. Phương pháp tập huấn:

- Thuyết trình (của báo cáo viên);
- Thảo luận và thực hành;

3. Phương tiện:

- Máy tính + máy chiếu (cho báo cáo viên)
- Máy tính

4. Sản phẩm đạt được:

- Thống nhất cách thức để xây dựng các mô đun kiến thức;
- Thống nhất được danh mục các mô đun kiến thức cốt lõi để hình thành các năng lực chung và riêng cho SV tốt nghiệp cử nhân sư phạm AN-MT;

5. Nội dung của tiểu mô đun:



Hoạt động 1: Tìm hiểu các khái niệm về mô đun kiến thức và đề cương môn học

- Báo cáo viên trình bày khái niệm về mô đun kiến thức, môn học, đề cương môn học;
- Báo cáo viên chia sẻ kinh nghiệm xây dựng các mô đun kiến thức nhằm phát triển các năng lực của GV AN-MT
- Báo cáo viên chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng các môn học, đề cương môn học



Thông tin cơ bản cho hoạt động 1

1.1. Mô- đun kiến thức: Trước hết ta hiểu *mô đun kiến thức* là một khối kiến thức hoặc một đơn vị kiến thức nhằm qua đó trang bị cho người học các kiến thức xác định đồng thời hình thành cho họ những năng lực cần thiết để thực hiện công việc giảng dạy và giáo dục trong trường phổ thông. Một năng lực nào đó của người học có thể được hình thành bởi nhiều mô đun kiến thức khác nhau. Ngược lại một mô đun kiến thức cũng có thể hình thành cho người học nhiều năng lực khác nhau. Do vậy, sau khi xác định hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp cử nhân sư phạm AN-MT, xác định được các năng lực cần đạt được của SV tốt nghiệp cử nhân sư phạm AN-MT, thì những năng lực đó cần được mô tả một cách chi tiết để có thể đánh giá được. Từ sự mô tả chi tiết các năng lực này ta có thể xác định được các mô đun kiến thức có thể hình thành cho người học những năng lực đó. Việc xác định các mô đun kiến thức còn phụ thuộc vào đặc điểm của nội dung kiến thức.

1.2. Môn học/ học phần: Sau khi xác định được các mô đun kiến thức thì các mô đun đó có thể được tổ hợp lại để hình thành nên các học phần (môn học). *Học phần* là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận lợi cho người học tích lũy trong quá trình giảng dạy, học phần được bố trí giảng dạy một cách trọn vẹn. Các học phần thường từ 2 - 5 tín chỉ. Các học phần trong chương trình đào tạo được chia thành hai loại, học phần bắt buộc và học phần tự chọn. *Học phần bắt buộc là học phần mà sinh viên bắt buộc phải học* trong chương trình đào tạo và đạt tối thiểu từ điểm D trở lên. Học phần bắt buộc thường chứa đựng những nội dung kiến thức quan trọng mà người học nhất thiết phải được học hoặc hình thành và phát triển cho người học những kỹ năng nghề nghiệp mà nhất thiết họ phải có trong quá trình học tập. *Học phần tự chọn* là học phần mà người học có thể chọn hoặc không trong chương trình đào tạo.

Hoạt động 2: Thảo luận và thực hành xây dựng các mô đun kiến thức

- Thảo luận, thực hành xây dựng mô đun kiến thức nhằm phát triển một số năng lực nào đó của SV tốt nghiệp cử nhân sư phạm Toán;



Thông tin cơ bản cho hoạt động 2: Ví dụ về danh mục các mô đun kiến thức và tên các môn học



**DANH MỤC MÔ ĐUN CÁC KIẾN THỨC NGÀNH
ÂM NHẠC-MỸ THUẬT**

Nhóm năng lực	Năng lực /kỹ năng	Mô đun KT	Môn học/học phần
PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP (I)	Phẩm chất chính trị (I.1)	<ul style="list-style-type: none"> - Triết học DVBC, Triết học DVLS, Đường lối cách mạng của Đảng. - Tính quy định của xã hội đối với giáo dục và chức năng xã hội của giáo dục. - Nhân cách người GV. - Chiến lược phát triển Giáo dục – Đào tạo, quan điểm chỉ đạo của Đảng Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo. - Quản lý hành chính nhà nước. - Quản lý giáo dục –đào tạo. - Luật Giáo dục. - Điều lệ trường phổ thông. 	<p>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>Đường lối cách mạng của Đảng CSVN</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Giáo dục học Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD-ĐT</p>
	Trách nhiệm công dân (I.2)	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục pháp luật. - Pháp lệnh cán bộ công chức, viên chức. 	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD-ĐT

		<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức nhà giáo. - Điều lệ trường phổ thông. - Luật giáo dục. - Nhân cách người GV nhân dân. 	
NHÓM NĂNG LỰC GIAO TIẾP (II)	Năng lực giao tiếp với học sinh, với đồng nghiệp, với cha mẹ học sinh...	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp, vai trò của giao tiếp với sự phát triển nghề nghiệp. - Các nguyên tắc giao tiếp. - Phong cách giao tiếp. - Các kỹ năng giao tiếp (tìm hiểu môi trường, đối tượng giao tiếp; tạo ấn tượng ban đầu, lắng nghe tích cực, xử lý tình huống, ...). - Thực hành giao tiếp. + Thực hành rèn luyện kỹ năng tìm hiểu môi trường, đối tượng giao tiếp. + Thực hành rèn luyện kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu khi giao tiếp với HS và đồng nghiệp. + Thực hành rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực: Lắng nghe HS, lắng nghe đồng nghiệp góp ý; + Thực hành rèn luyện kỹ năng thuyết phục: Thuyết phục HS, thuyết phục đồng nghiệp + Thực hành rèn luyện kỹ năng thuyết trình: Thuyết trình một vấn đề trước HS, trước đồng nghiệp. + Thực hành rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống giao tiếp: Với HS, với đồng nghiệp. + Thực hành rèn luyện kỹ năng điều phối. 	<p>Kỹ năng giao tiếp</p> <p>Tích hợp trong các môn học (các hoạt động seminar, thảo luận, dự án học tập, thuyết trình,...)</p> <p>Rèn luyện NVSP 1, 2</p> <p>Cơ sở văn hóa Việt Nam (tự chọn)</p>

Năng lực tìm hiểu tập thể lớp (III.2)	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò, chức năng của GV chủ nhiệm lớp. - Các nội dung công tác của GV chủ nhiệm lớp: Nghiên cứu đặc điểm HS; Xây dựng tập thể HS lớp chủ nhiệm; Các phương pháp công tác của GV chủ nhiệm lớp trong giáo dục HS và giáo dục tập thể HS. 	<p>Tâm lí học</p> <p>Giáo dục học</p> <p>- Rèn luyện NVSP</p>
Năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục (III.3)	<p>Đặc điểm quá trình giáo dục diễn ra với những tác động phức hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động của nhà trường (nhà trường và vai trò của nhà trường trong giáo dục HS). - Tác động của gia đình, vai trò của gia đình trong giáo dục HS. - Kết hợp giữa nhà trường, gia đình trong giáo dục HS. Quy chế hoạt động của Hội phụ huynh HS ở trường phổ thông. 	<p>Giáo dục học</p> <p>- Rèn luyện NVSP</p>
Năng lực tìm hiểu môi trường xã hội (III.4)	<ul style="list-style-type: none"> - Tính quy định của xã hội đối với giáo dục. - Môi quan hệ biện chứng giữa giáo dục và xã hội 	<p>- Giáo dục học</p> <p>- Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục</p>
Năng lực tổ chức các hoạt động tập thể lớp chủ	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông: - Chức năng, nhiệm vụ của GV chủ nhiệm lớp. - Nội dung công tác của GV chủ nhiệm lớp: Xây dựng tập 	<p>Giáo dục học</p> <p>- Rèn luyện NVSP</p>

NHÓM NĂNG LỰC GIÁO DỤC	nhiệm (III.5)	thể HS	
	Năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo (giáo dục thông qua môn học và các hoạt động giáo dục khác) (III.6)	<p>* Quá trình giáo dục ở trường phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của quá trình giáo dục. - Cấu trúc của quá trình giáo dục. - Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông. <p>* Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với quá trình hình thành phát triển nhân cách HS. - Các loại hình hoạt động trải nghiệm sáng tạo của HS: <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động gắn với môn học: Khám phá tri thức mới, vận dụng tri thức trong thực tiễn; câu lạc bộ môn học, nghiên cứu khoa học... + Hoạt động gắn với chủ đề rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; + Hoạt động xã hội; + Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; - Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. 	<p>- Giáo dục học</p> <p>- Rèn luyện NVSP</p>
	Năng lực giải quyết các tình huống giáo dục (III.7)	<p>* Kỹ năng giao tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp, vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển nghề nghiệp. - Phân loại giao tiếp, phương tiện giao tiếp. - Các nguyên tắc giao tiếp - Các kỹ năng giao tiếp: Kỹ năng lắng nghe và kỹ năng thấu hiểu; Kỹ năng xử lý tình huống trong giao tiếp. <p>* Các nguyên tắc giáo dục, dạy học.</p>	<p>- Giáo dục học</p> <p>- Rèn luyện NVSP</p> <p>- Kỹ năng giao tiếp</p>
	Năng lực giáo dục	- Đảm bảo nguyên tắc dạy học, giáo dục.	

HS có hành vi không mong đợi (III.8)	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung công tác của GV chủ nhiệm lớp: Tìm hiểu và giáo dục HS lớp chủ nhiệm 	- Giáo dục học
Năng lực giáo dục hòa nhập (III.9)	<p>Những vấn đề cơ bản về giáo dục hòa nhập (khái niệm cơ bản, mục đích, ý nghĩa của giáo dục hòa nhập).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình giáo dục hòa nhập. - Kết hợp các lực lượng giáo dục trong hỗ trợ giáo dục hòa nhập. - Biện pháp tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập. - Quan sát hoạt động giáo dục hòa nhập, phỏng vấn cán bộ, GV làm nhiệm vụ giáo dục hòa nhập từ đó nêu lên những yêu cầu cơ bản đối với tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập. - Thực hành phương pháp tác động giáo dục hòa nhập. 	- Giáo dục học
Năng lực tư vấn, tham vấn cho HS (III.10)	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm tâm lý của HS. - Đời sống tình cảm của HS. - Các nguyên tắc giáo dục HS của GV. - Các phương pháp giáo dục của GV. 	- Tâm lí học - Giáo dục học
Năng lực phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục HS (III.11)	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội. - Vai trò của nhà trường trong giáo dục HS. Thống nhất các lực lượng giáo dục trong nhà trường. - Vai trò của gia đình trong giáo dục HS. - Vai trò của các tổ chức đoàn thể, xã hội trong giáo dục HS. 	- Giáo dục học

		- Kết hợp các lực lượng giáo dục trong giáo dục HS.	
	Năng lực xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ giáo dục (III.12)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết xây dựng và cập nhật các thông tin cần thiết trong sổ chủ nhiệm. - Biết ghi sổ liên lạc. - Biết sử dụng một số phần mềm để lập, quản lý, sử dụng hồ sơ giáo dục. - Biết khai thác các thông tin trong hồ sơ chủ nhiệm để quản lý và giáo dục HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục học - Rèn luyện NVSP
	Năng lực đánh giá kết quả giáo dục (III.13)	<ul style="list-style-type: none"> * Những vấn đề cơ bản về đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS: <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản: Kiểm tra, đánh giá, lượng giá. - Các nguyên tắc đánh giá. - Những yêu cầu sư phạm đối với hoạt động đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS. - Đánh giá kết quả học tập của HS theo tiếp cận năng lực. * Nội dung đánh giá; Quy trình đánh giá (đo - lượng giá - đánh giá); Phương pháp và hình thức đánh giá. 	Đánh giá trong giáo dục
NHÓM NĂNG LỰC DẠY HỌC (IV)	Năng lực tìm hiểu chương trình và SGK (IV.1)	<ul style="list-style-type: none"> - Những tư tưởng cơ bản trong chương trình môn âm nhạc, mỹ thuật ở trường phổ thông; - Những mạch kiến thức quan trọng trong chương trình môn âm nhạc, mỹ thuật ở trường phổ thông; - Kỹ thuật phân tích bài học; 	<ul style="list-style-type: none"> - Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật - Rèn luyện NVSP;
	Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học (IV.2)	<ul style="list-style-type: none"> * Hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông: <ul style="list-style-type: none"> - Các loại bài học và kế hoạch dạy học. - Lập kế hoạch dạy học dài hạn: Kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ. - Lập kế hoạch dạy học ngắn hạn: Soạn giáo án. - Các bước xây dựng kế hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục học - Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật - Rèn luyện NVSP

	dạy học. - Hồ sơ dạy học của GV.	
Năng lực quản lý hồ sơ dạy học (IV.3)	- Hình thức tổ chức dạy học. - Kế hoạch dạy học. - Quản lý hồ sơ dạy học của GV.	- Giáo dục học - Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật - Rèn luyện NVSP
Năng lực phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học (IV.4)	- Khái niệm PPDH, các thành tố cơ bản của PPDH; phân loại các PPDH - Vận dụng các PPDH vào môn âm nhạc- mỹ thuật - Khái niệm về tổ chức DH và các hình thức tổ chức DH - Xây dựng kế hoạch bài dạy - Thực hành xây dựng và thiết kế bài dạy	- Giáo dục học Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật - Rèn luyện NVSP
Năng lực thiết kế và sử dụng các phương tiện DH (IV.5)	- Phương tiện DH, các nguyên tắc sử dụng phương tiện trong DH; phân loại các phương tiện DH; phương tiện DH trong DH AN-MT. - Thực hành thiết kế một số phương tiện DH đơn giản như hình chóp, tứ diện, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, khối nón, khối trụ, khối nón cụt;	- Giáo dục học - Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật - Rèn luyện NVSP
Năng lực DH tích hợp và phân hóa (IV.6)	- Khái niệm DH phân hóa; Vai trò của DH phân hóa; các hình thức tổ chức DH phân hóa - Khái niệm DH tích hợp; Vai trò của DH tích hợp; các kiểu trong DH tích hợp môn Âm nhạc- Mỹ thuật ở trường phổ thông. - Thực hành thiết kế các chủ đề DH phân hóa và DH tích hợp trong môn Âm nhạc- Mỹ thuật ở trường PT.	- Giáo dục học - Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật - Rèn luyện NVSP
Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả	- Khái niệm về đánh giá; Ý nghĩa của đánh giá trong giáo dục; - Chuẩn kiến thức kỹ năng	- Đánh giá trong Giáo dục

	học tập của HS (IV.7)	<p>môn Âm nhạc- Mỹ thuật ở trường phổ thông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hình thức đánh giá; - Trắc nghiệm khách quan; cách soạn đề TNKQ và xử lí kết quả trong TNKQ; - Vai trò của đánh giá tự luận; cách soạn đề thi tự luận; - Quy trình đánh giá kết quả học tập của HS: + Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ. + Xác định nội dung cần đánh giá. + Xây dựng công cụ đo, lựa chọn phương pháp sử dụng công cụ đo. + Tổ chức đo. + Phân tích kết quả và phản hồi thông tin. - Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học 	<p>- Lý luận phương pháp DH môn Âm nhạc- Mỹ thuật</p> <p>- Tin học cơ bản</p>
NHÓM NĂNG LỰC HIỂU BIẾT VỀ MỸ THUẬT (IV)	Năng lực quan sát, nhận xét (IV. 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết quan sát, nhận xét các đối tượng trong thiên nhiên và trong cuộc sống - Quan sát để tìm hiểu đối tượng vẽ về hình dáng, cấu trúc, tỷ lệ, màu sắc, đậm nhạt để khai thác đề tài, xây dựng hình tượng, thể hiện bài tập hoàn thiện. - Phát triển kỹ năng quan sát nhận xét, so sánh đối chiếu liên hệ thực tiễn với bài tập thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình họa - Ký họa - Giải phẫu - Bó cục
NHÓM NĂNG LỰC HIỂU BIẾT VỀ MỸ THUẬT (IV)	Năng lực cảm thụ thẩm mỹ (IV.2)	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm thụ được vẻ đẹp các tác phẩm mỹ thuật trong và ngoài nước. - Phân tích được các tác phẩm mỹ thuật trong và ngoài nước bằng cảm thụ riêng. - Hướng dẫn cho học sinh cảm thụ được vẻ đẹp của các tác phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử MT Việt Nam - Lịch sử MT thế giới - Nghệ thuật học - Phân tích tác phẩm - Phương pháp dạy học MT

	Năng lực thực hành sáng tạo tác phẩm nghệ thuật (IV.3)	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được nội dung đề tài cho tác phẩm - Tìm tài liệu ký họa làm phác thảo cho tác phẩm - Sử dụng kỹ thuật và chất liệu hoàn thiện tác phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Ký họa - Bố cục chất liệu - Giải phẫu - Xa gần - Hình họa
	Năng lực phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu mỹ thuật (IV.4)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức, năng lực mỹ thuật, phát hiện học sinh có năng khiếu mỹ thuật - Đồng cảm chia sẻ với các học sinh có tiềm năng sáng tạo - Biết lựa chọn những nội dung, phương pháp bồi dưỡng và phát huy năng khiếu của học sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý học - Giáo dục học - Bố cục chất liệu - Phương pháp dạy học mỹ thuật - Phương pháp tổ chức hoạt động MT
NHÓM NĂNG LỰC HIỂU BIẾT VỀ ÂM NHẠC (V)	Năng lực cảm thụ thẩm mỹ Âm nhạc (V.2)	<p>Trang bị vốn kiến thức âm nhạc cơ bản, từ đó giúp sinh viên có thể học được các môn học âm nhạc khác chuyên sâu hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển tai nghe giúp cảm thụ tốt các tác phẩm âm nhạc - Biết nhận xét, bình giải về các tác phẩm - Phân tích được các tác phẩm âm nhạc - Hướng dẫn cho học sinh cảm thụ cũng như định hướng thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc đúng đắn 	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết âm nhạc - Hòa thanh - Ký xướng âm - Phân tích tác phẩm - Lịch sử âm nhạc Việt Nam - Lịch sử âm nhạc Phương Tây - Lịch sử âm nhạc phương Đông - Mỹ học âm nhạc - Phương pháp dạy học âm nhạc
	Năng lực thực hành, trình diễn và sáng tạo tác phẩm nghệ thuật (IV.3)	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng trình bày các tác phẩm âm nhạc hoàn chỉnh - Tự tin trình diễn tác phẩm âm nhạc kết hợp vũ đạo - Dàn dựng một chương trình âm nhạc. - Có khả năng hướng dẫn HS thực hiện trình diễn các tác phẩm - Có thể sáng tác, viết nhạc cho thơ, viết lời mới cho ca khúc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhạc cụ - Thanh nhạc - Múa chất liệu - Dàn dựng múa - phương pháp dàn dựng chương trình - Chỉ huy đồng ca hợp xướng - Sáng tác ca khúc
	Năng lực	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức, năng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý học

	phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu âm nhạc (IV.4)	lực âm nhạc, phát hiện học sinh có năng khiếu. - Đồng cảm chia sẻ với các học sinh có tiềm năng sáng tạo - Biết lựa chọn những nội dung, phương pháp bồi dưỡng và phát huy năng khiếu của học sinh	- Giáo dục học - Phương pháp dạy học âm nhạc - Phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc
	Năng lực tự đánh giá (VI.3)	Yêu cầu về năng lực của người GV trong phát triển nghề nghiệp; - Tìm hiểu cơ cấu hoạt động tổ chức của nhà trường - Nghiên cứu hồ sơ dạy học môn học - Dự giờ, đánh giá giờ giảng; - Nghiên cứu bài học.	- Thực hành dạy học tại trường - Thực tập sư phạm 1 - Rèn luyện NVSP
	Năng lực tự học, tự nghiên cứu (VI.4)	- Xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu trong từng giai đoạn - Tìm kiếm khai thác tài liệu liên quan đến dạy học AN-MT - Sử dụng CNTT để khai thác các nguồn tài liệu học tập và giảng dạy.	- Ứng dụng CNTT trong DH Toán - Tích hợp trong các học phần chuyên ngành
	Năng lực nghiên cứu khoa học (VI.5)	- Khái niệm khoa học - Sự phát triển của khoa học - Khái niệm nghiên cứu khoa học; - Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học; phân loại các phương pháp nghiên cứu khoa học; - Quy trình nghiên cứu khoa học	- Phương pháp nghiên cứu khoa học học giáo dục AN-MT
	Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo (VI.6)	- Khái niệm, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm sáng tạo; - Các loại hình trải nghiệm sáng tạo; - Cách thức thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn AN-MT	- Thực hành DH tại trường - Thực tập sư phạm 1, 2 - Phương pháp dạy học AN-MT - Phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục AN-MT

Tiểu mô đun 3. XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC MÔN HỌC/XÂY DỰNG KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC VÀ ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG

1. Mục tiêu:

- Nhằm chia sẻ cách thức để xây dựng khung chương trình (xác định danh mục các môn học) đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật. Thống nhất những khối kiến thức cốt lõi trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật.
- Xây dựng đề cương chi tiết môn học
- Xây dựng đề cương bài giảng

2. Phương pháp tập huấn:

- Thuyết trình (của báo cáo viên);
- Làm việc nhóm và thực hành;

3. Phương tiện:

- Máy tính + máy chiếu (cho báo cáo viên)
- Máy tính

4. Sản phẩm đạt được:

- Các khối kiến thức cốt lõi trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật;
- Đề xuất khung chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật
- Xây dựng đề cương môn học và bài giảng 1 môn học

5. Nội dung của tiểu mô đun:



Hoạt động 1. Khái niệm về khung chương trình và cách thức xây dựng khung chương trình

- Báo cáo viên trình bày khái niệm về khung chương trình, các bước để xây dựng khung chương trình đào tạo cử nhân sư phạm toán;



Thông tin cho hoạt động 1

1. Một số khái niệm:

- *Chương trình đào tạo/giáo dục (Curriculum)* là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo (có thể kéo dài một vài giờ, một ngày, một tuần hoặc vài năm). Bản thiết kế tổng thể đó cho ta biết toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ ra những gì ta có thể trông đợi ở sinh viên sau khóa học, nó phác họa ra quy trình cần thiết để thực hiện nội dung đào tạo, nó cũng cho ta biết các phương pháp đào tạo và các cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và tất cả những cái đó được sắp xếp theo một

thời gian biểu chặt chẽ. (Theo Tim Wentling, 1993)

- *Khung chương trình* (Curriculum Framework) là văn bản quy định khối lượng tối thiểu và cơ cấu kiến thức cho các chương trình đào tạo. Khung chương trình xác định sự khác biệt về chương trình tương ứng với các trình độ đào tạo khác nhau. Khung chương trình quy định cơ cấu nội dung môn học, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các môn học cơ bản và chuyên môn; giữa lý thuyết với thực hành, thực tập.

- *Kế hoạch đào tạo*: là văn bản xác định tiến độ thực hiện chương trình đào tạo của một khoá học.

- *Đề cương môn học/Chương trình môn học (Syllabus)*: là văn bản được soạn thảo về mục tiêu, nội dung, phân bổ thời lượng, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của một môn học.

2. Quy trình xây dựng khung chương trình đào tạo:

a) *Bước 1*: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này;

b) *Bước 2*: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c) *Bước 3*: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

d) *Bước 4*: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

đ) *Bước 5*: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

e) *Bước 6*: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo;

g) *Bước 7*: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

h) *Bước 8*: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Hoạt động 2: Thảo luận và thực hành xây dựng khung chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật



-Thảo luận về quy trình xây dựng khung chương trình đào tạo nhân sư phạm

Âm nhạc- Mỹ thuật

- Thảo luận về chương trình cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật của ĐHSP Nghệ thuật Trung Ương

- Thống nhất một số học phần cốt lõi trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật.



Thông tin cho hoạt động 2: Khung chương trình cử nhân sư phạm Âm nhạc- Mỹ thuật của ĐHSP Nghệ thuật Trung ương và ĐHSP Hà Nội

1. Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **135**, trong đó:

– Khối kiến thức chung (không tính các môn học GDTC và GDQP): **20 tín chỉ**

Bắt buộc: *20 tín chỉ*

Tự chọn: *0 tín chỉ*

– Khối kiến thức chuyên ngành: **71 tín chỉ**

Bắt buộc: *61 tín chỉ*

Tự chọn: *10/28 tín chỉ*

– Khối kiến thức chung về năng lực sư phạm: **14 tín chỉ**

– Khối kiến thức PPDH chuyên ngành: **8 tín chỉ**

– Khối kiến thức thực hành sư phạm: **12 tín chỉ**

*** Khối kiến thức chuyên ngành (do khoa, trường chịu trách nhiệm xây dựng)**

- Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc:

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Số tiết			Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp				
					LT	BT	TL		
I	Khối kiến thức chung – Bắt buộc			20					
II	Khối kiến thức chuyên ngành			71					
	*Các môn bắt buộc			63					
13	Lý thuyết âm nhạc 1	MUSI 121	1	2	18	8	4	60	
14	Lý thuyết âm nhạc 2	MUSI 122	2	2	18	8	4	60	MUSI 121
15	Ký xướng âm 1	MUSI 123	1	2	8	18	4	60	
16	Ký xướng âm 2	MUSI 124	2	2	10	16	4	60	MUSI 123
17	Ký xướng âm 3	MUSI 221	3	2	10	16	4	60	MUSI 124
18	Ký xướng âm 4	MUSI 222	4	2	10	16	4	60	MUSI 221
19	Hòa âm 1	MUSI 223	3	3	20	18	7	75	MUSI 122
20	Hòa âm 2	MUSI 224	4	2	12	10	8	50	MUSI 223
21	Nhập môn Phúc điệu	MUSI 337	5	2	12	10	8	50	MUSI 223
22	Lịch sử Âm nhạc phương Tây 1	MUSI 225	1	2	18	8	4	50	

23	Lịch sử Âm nhạc phương Tây 2	MUSI 226	2	2	18	8	4		50	MUSI 225
24	Lịch sử Âm nhạc phương Đông	MUSI 321	3	2	18	8	4		50	
25	Lịch sử Âm nhạc Việt Nam	MUSI 322	4	2	18	8	4		50	
26	Phân tích tác phẩm Âm nhạc 1	MUSI 323	4	3	30	10	5		90	MUSI 223
27	Phân tích tác phẩm Âm nhạc 2	MUSI 324	5	2	20	6	4		60	MUSI 323
28	Tính năng nhạc cụ	MUSI 325	7	2	18	8	4		60	
29	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	MUSI 131	6	3	20		5	10	90	
30	Hát dân ca	MUSI 129	2	2	5			25	50	
31	Chuyên đề âm nhạc	MUSI 422	6	2	18	8	4		50	
32	Thanh nhạc 1	MUSI 125	1	1	4		1	10	30	
33	Thanh nhạc 2	MUSI 126	2	1	4		1	10	30	MUSI 125
34	Thanh nhạc 3	MUSI 227	3	1	4		1	10	30	MUSI 126
35	Thanh nhạc 4	MUSI 228	4	1	4		1	10	30	MUSI 227
36	Thanh nhạc 5	MUSI 326	5	1	4		1	10	30	MUSI 227
37	Nhạc cụ 1	MUSI 127	1	1	4		1	10	30	
38	Nhạc cụ 2	MUSI 128	2	1	4		1	10	30	MUSI 127
39	Nhạc cụ 3	MUSI 229	3	1	4		1	10	30	MUSI 128
40	Nhạc cụ 4	MUSI 230	4	1	4		1	10	30	MUSI 229
41	Nhạc cụ 5	MUSI 328	5	1	4		1	10	30	MUSI 229
42	Hát đồng ca hợp xướng	MUSI 130	4	2	05			25	50	
43	Chỉ huy đồng ca – hợp xướng	MUSI 426	5	2	05			25	60	MUSI 130
44	Múa chất liệu	MUSI 231	5	2	05			25	60	
45	Biên đạo, dàn dựng múa	MUSI 233	6	2	05			25	60	MUSI 231
46	PP dàn dựng c.trình nghệ thuật tổng hợp	MUSI 330	7	2	05			25	60	MUSI 233
47	Tiếng Anh chuyên ngành	ENGL 330	7	2	18	8	4		60	ENGL 201
47	Tiếng Pháp chuyên ngành	FREN 326	7	2	18	8	4		60	
47	Tiếng Nga chuyên ngành	RUSS 314	7	2	18	8	4		60	
	*Các môn tự chọn			8/20						
	Nhóm 1 (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)			4/1						
				2						
48	Tin học chuyên ngành	MUSI 232	7	2	10	8		12	50	MUSI 122
49	Phương pháp dạy học Âm nhạc 3	MUSI 423	7	2	18	8	4		50	MUSI 331
50	Mĩ thuật đại cương	ARTS 222	2	2	18	8	4		50	
51	Nghệ thuật học đại cương	MUSI 336	7	2	18	8	4		50	
52	Cơ sở văn hóa Việt Nam	PHIL 177	1	2	18	8	4		50	
53	Phương pháp công tác Đội	PRIM 452	2	2	18	8	4		50	
	Nhóm 2 (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)			4/1						
				2						
54	Phối Đồng ca – Hợp xướng	MUSI 427	6	2	10	8		12	50	MUSI 137
55	Dàn dựng và biểu diễn ĐC - HX	MUSI 234	6	2	10	8		12	50	MUSI 130
56	Sáng tác ca khúc	MUSI 425	7	2	10	8		12	50	MUSI 122
57	Phương pháp tổ chức hoạt động AN ngoại khóa	MUSI 338	7	2	10	8		12	50	
58	Đệm hát bằng đàn ghi ta	MUSI 236	6	2	6			24	50	
59	Mĩ học âm nhạc	MUSI 238	5	2	18	8	4		50	
III	Khối kiến thức năng lực sự phạm (không tính Quản lý hành chính NN về GD-ĐT)			34						
	Kiến thức chung về năng lực SP			14						

60	Tâm lí học giáo dục	PSYC 201	1	3	45	25	10	10	90	
61	Giáo dục học	PSYC 202	2	4	60	40	10	10	120	PSYC 201
62	Giao tiếp sư phạm	PSYC 109	4	2	20	5	5	0	60	
63	Kiểm tra đánh giá giáo dục		6	3	20	10	0	0	60	
64	Thực hành nghề		3	2	0	0	0	30	60	
65	QL hành chính NN về GD-ĐT		8	1						
	Kiến thức PPDH chuyên ngành			8						
66	Phương pháp dạy học Âm nhạc 1	MUSI 331	5	3	18	8	4	0	50	
67	Phương pháp dạy học Âm nhạc 2	MUSI 332	6	3	8	0	4	18	90	MUSI 331
68	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Âm nhạc	MUSI 337	3	2	18	8	4		60	
	Kiến thức thực hành sư phạm			12						
69	Rèn luyện nghiệp vụ SP thường xuyên	PSYC 301	3	3	10	0	5	30	30	
70	Thực hành dạy học tại trường SP	MUSI 938	4	3	10	0	5	30	30	
71	Thực tập sư phạm 1	MUSI 399	6	3	10	0	5	30	30	
72	Thực tập sư phạm 2	MUSI 498	8	3	10	0	5	30	30	
IV	Các học phần cuối khóa			10						
73	Lý luận âm nhạc	MUSI 494	8	4		10	40	10	120	
74	Thực hành Thanh nhạc (hoặc) Nhạc cụ	MUSI 495	8	3	5		2	38	90	
75	Phát triển kĩ năng SP âm nhạc	MUSI 496	8	3	14	20	7	4	90	

2. Khung chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật

Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

134 tín chỉ

trong đó:

- Khối kiến thức chung (M1) **19 tín chỉ**
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (M2) **13 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: 9
 - + *Tự chọn*: 4
- Khối kiến thức chung của khối ngành (M3) **17 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: 13
 - + *Tự chọn*: 4
- Khối kiến thức của nhóm ngành (M4) **15 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: 11
 - + *Tự chọn*: 4
- Khối kiến thức chuyên ngành (M5) **52 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: 46
 - + *Tự chọn*: 6
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (M6) **18 tín chỉ**

Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	M1	Khối kiến thức chung (Không tính các môn học từ 9-14)	19				19
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin	5	53	13	9	
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	
3		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	
4		Tin học cơ bản	2	5	15	10	
5		Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
6		Tiếng Anh A2	3	22	20	3	
		Giáo dục thể chất	5	10	60	5	
		Giáo dục quốc phòng					
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (M2)	13				
		Các môn học bắt buộc	9				
7		Tâm lý học	3	22	20	3	
8		Giáo dục học	4	30	28	2	
9		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	20	8	2	
		Các môn học tự chọn	4/8				
10		Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật.	2	20	8	2	
11		Tiếng Việt thực hành	2	10	18	2	
12		QLHCNN&QLNGDĐT	2	20	8	2	
13		Tiếng Anh chuyên ngành	2	5	20	5	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành (M3)	17				
		Các môn học bắt buộc	13				
14		Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30	12	3	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
15		Nghệ thuật học	2	20	8	2	
16		Phương pháp dạy học Mỹ thuật - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4	28	30	2	
17		Mỹ học	2	20	8	2	
18		Tin học chuyên ngành Corel Draw 12 và Adobe Photoshop CS2	2	8	20	2	
		Các môn tự chọn của ngành SPMT	4/8				
19		Hoạt động Mỹ thuật ngoài giờ lên lớp	2	8	20	2	
20		Lịch sử văn minh thế giới	2	20	8	2	
21		Tin học chuyên ngành: Adobe Illustrator CS6	2	8	20	2	
22		Lịch sử nghệ thuật	2	20	8	2	
IV	M4	Khối kiến thức của nhóm ngành	15				
		Các môn học bắt buộc	11				
23		Giải phẫu tạo hình	2	8	20	2	
24		Luật xa gần	2	8	20	2	
25		Lịch sử Mỹ thuật thế giới	2	15	13	2	
26		Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	15	13	2	
27		Mỹ thuật học	3	20	23	2	
		Các môn học tự chọn	4/8				
28		Đặc biểu kiến trúc	2	8	20	2	
29		Cơ sở tạo hình	2	8	20	2	
30		Mỹ thuật đương đại	2	15	13	2	
31		Nghiên cứu MT cổ	2	5	23	2	
V	M5	Khối kiến thức chuyên ngành	52				
		Các môn học bắt buộc	46				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
32		Hình họa 1	2	2	26	2	
33		Hình họa 2	2	2	26	2	
34		Hình họa 3	2	2	26	2	
35		Hình họa 4	2	2	26	2	
36		Hình họa 5	2	2	26	2	
37		Hình họa 6	2	2	26	2	
38		Hình họa 7	3	2	41	2	
39		Trang trí Cơ bản 1	2	2	26	2	
40		Trang trí Cơ bản 2	2	2	26	2	
41		Trang trí ứng dụng 1	2	2	26	2	
42		Trang trí ứng dụng 2	2	2	26	2	
43		Bộ cục cơ bản	2	2	26	2	
44		Bộ cục chất liệu Sơn dầu	2	2	26	2	
45		Bộ cục chất liệu Lụa	2	2	26	2	
46		Bộ cục chất liệu Khắc gỗ	2	2	26	2	
47		Bộ cục chất liệu Sơn mài	2	2	26	2	
48		Bộ cục chất liệu tự chọn	3	2	41	2	
49		Điều khắc	2	2	26	2	
50		Thực tế chuyên môn 1	2	2	0	28	
51		Thực tế chuyên môn 2	2	2	0	118	
52		Thực tế chuyên môn 3	2	2	0	118	
53		Thực tế chuyên môn 4	2	2	0	118	
		Các môn học tự chọn	6/14				
54		Ký họa	2	2	26	2	
55		Chất liệu tổng hợp	2	2	26	2	
56		Chất liệu màu nước	2	2	26	2	
57		In độc bản	2	2	26	2	
58		Sơn khắc	2	2	26	2	
59		Nghệ thuật thiết kế	2	2	26	2	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
60		Nghiên cứu và sao chép tranh sơn dầu cổ điển	2	2	26	2	
VI	M6	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	18				
61		Thực tập sư phạm 1	2				
62		Thực tập sư phạm 2	4				
63		Sáng tác Mỹ thuật	6				
64		Khóa luận/ Thi tốt nghiệp (LT Mỹ thuật TH)	6				
		Tổng	134				



Hoạt động 3. Giới thiệu một số mẫu đề cương môn học và đề cương bài giảng

- Mẫu đề cương môn học và bài giảng
- Thảo luận và thực hành viết đề cương môn học và bài giảng



Thông tin cho hoạt động :
Mẫu đề cương chi tiết môn học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC/HỌC PHẦN **TÊN MÔN HỌC (Tiếng Việt)** **(Tiếng Anh)**

Mã học phần: (6 ký tự)

1. Thông tin chung về môn học và giảng viên:

Số tín chỉ:....; Tổng số tiết quy chuẩn:

(Lý thuyết: ...; Bài tập:.....; Thực hành:.....; Thảo luận:; Thực tế chuyên môn:.....)

Loại môn học: *Bắt buộc (Tự chọn)*

Các học phần tiên quyết:

Môn học trước:

Môn học song hành:

Các yêu cầu đối với môn học (nếu có):

Họ và tên giảng viên giảng dạy:.....

Số điện thoại:..... Email:.....

2. Mục tiêu của môn học:

2.1. Mục tiêu chung:

- Kiến thức:

(cần nêu được những kiến thức cơ bản, quan trọng mà SV cần có được sau khi học xong học phần)

- Kỹ năng:

(cần nêu được các kỹ năng mà SV hình thành được thông qua môn học, các kỹ năng này là những kỹ năng nằm trong bảng mô tả năng lực cần có của sinh viên ngành tương ứng).

- Thái độ *(thái độ của SV khi học môn học)*

2.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I	I.A.1 I.A.2	I.B.1 I.B.2	I.C.1 I.C.2
Chương II	II.A.1 II.A.2	II.B.1 II.B.2	II.C.1 II.C.2
.....			

Cách viết các mục tiêu chi tiết cho các chương (nội dung): Mục tiêu chi tiết của các chương được trình bày theo 3 bậc:

- *Bậc 1: Nhớ, biết (A): bậc này kiểm tra mức độ ghi nhớ và nhận biết của SV đối với các kiến thức đã học. Để viết các mục tiêu ở bậc này ta có thể sử dụng các động từ: Trình bày được (các khái niệm, định lý, định luật...); viết được (các công thức, quy tắc...); mô tả được (các quy trình, chu trình...). Ta kí hiệu các mục tiêu ở bậc này là I.A.1, I.A.2...; II.A.1, II.A.2.. (I, II... đứng trước các chữ cái A tương ứng với số thứ tự nội dung kiến thức đó, các số 1, 2, 3... sau chữ cái A là số thứ tự các mục tiêu).*

- *Bậc 2: Hiểu, áp dụng (B): bậc này kiểm tra mức độ thông hiểu kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức đã học của SV vào bài tập hoặc các tình huống mới. Để viết được các mục tiêu ở bậc này ta có thể sử dụng các động từ: Phân biệt được (các khái niệm); thiết lập được (các phương trình, các mối quan hệ, các quy trình...); giải thích được (các quy luật, các mối quan hệ...); áp dụng được (các công thức, định lý, định*

luật, quy luật vào bài tập hoặc giải quyết các tình huống mới); tính toán được. Ta kí hiệu các mục tiêu ở bậc này là I.B.1, I.B.2..., II.B.1, II.B.2...

- Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá (C): bậc này để kiểm tra mức độ thông hiểu bậc cao của SV. Để viết được các mục tiêu ở bậc này ta có thể sử dụng các động từ: so sánh (các khái niệm, các quy luật, các không gian...); phân tích được (các mối quan hệ, các quy luật...); khái quát hóa được (các quy luật, ...); đánh giá được (vai trò của các khái niệm, các quy luật, các định lý đối với khoa học chuyên ngành hoặc thực tiễn).

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học: (ít nhất 150 từ)

Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí môn học, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo.

4. Mô tả môn học bằng tiếng Anh: Dịch mô tả bằng tiếng Việt sang tiếng Anh

5. Tài liệu học tập: ((Những tài liệu SV sử dụng trong học tập)).

[1] (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, (nơi có tài liệu này)).

6. Tài liệu tham khảo:

[2] (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, (nơi có tài liệu này)).

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của môn học;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

8. Nội dung chi tiết môn học và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1-3	<p>Chương 1. (Tên chương) Nội dung: Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát 1.1. ... 1.1.1 ... 1.2. ...</p> <p>Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do GV trình bày - Thảo luận nhóm: Ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận - Thực hành: Ghi rõ nội dung thực hành</p> <p>Yêu cầu sinh viên:</p>	LT: tiết BT:..... tiết TL:..... tiết TH: tiết	[1] Ghi rõ chương mục cần đọc

	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu, - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi... <p>.....</p> <p>Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua mail) - Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) <p>Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)</p> <p style="padding-left: 40px;">- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)</p> <p>.....</p>		
4-5	<p>Chương 2. (Tên chương)</p> <p>Nội dung: Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát</p> <p>2.1. ...</p> <p>2.1.1 ...</p> <p>2.2. ...</p> <p>Hình thức tổ chức dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học: Ghi rõ mục tự học - Nghe giảng do GV trình bày: Ghi rõ mục trình bày - Bài tập: Ghi rõ nguồn bài tập (ở tài liệu nào) <p>Yêu cầu sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Nghe giảng, ghi chép - Thảo luận <p>Hình thức đánh giá: Bài tập 1- 2 trang</p> <p>Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)</p> <p style="padding-left: 40px;">- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)</p> <p>.....</p>	<p>LT: tiết</p> <p>BT:..... tiết</p> <p>TL:..... tiết</p> <p>TH: tiết</p>	<p>[2]</p> <p>Ghi rõ chương mục cần đọc</p>
.....

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

9.1 Mục đích và trọng số kiểm tra

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá chuyên cần	<p>Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.</p>	5%
2	Bài tập cá nhân	<p>Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <p>Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên hoặc việc trả bài, chữa</p>	5%

		bài tập trên lớp của sinh viên.	
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	5%
4	Tiểu luận/ Thí nghiệm thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.	15%
5	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	20%
6	Bài thi kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (vấn đáp, trắc nghiệm...). Thời gian: ... phút	50%

- *Ghi chú:* Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể *thêm* hay *bớt* cho phù hợp, bao gồm cả sự điều chỉnh trọng số. Tuy nhiên trọng số của *Bài thi kết thúc học phần tối thiểu là 50%*

9.2 *Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, kiểm tra, đánh giá* (mỗi hình thức được đánh giá theo thang điểm 10)

1. Đánh giá chuyên cần:

- Tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động chuyên đề của khóa học (làm bài tập, viết đầy đủ các chuyên đề)
- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần

2. Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn 1đ
- Có tham gia phản hồi, chia sẻ sản phẩm, ý kiến 2đ
- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu 5đ
- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu 1đ
- Có ý tưởng sáng tạo 1đ

3. Thí nghiệm thực hành

- Có ý thức tổ chức kỷ luật trong giờ thực hành thí nghiệm 1đ
- Kỹ năng tiến hành thí nghiệm 3đ
- Kết quả thí nghiệm đáp ứng yêu cầu 3đ
- Tích cực thảo luận kết quả thí nghiệm 1đ
- Hoàn thành báo cáo thực hành thí nghiệm 2đ

4. Bài kiểm tra định kỳ (đánh giá theo các mức độ)

- Bậc 1 (A): 3đ
- Bậc 2 (B) 4đ
- Bậc 3 (C) 3đ

(Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể thay đổi số điểm ở từng bậc cho phù hợp, tuy nhiên số điểm ở bậc 1 không quá 40%).

5. Thi kết thúc học phần (có tiêu chí đánh giá riêng)

Ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Tên môn học: **Lý thuyết âm nhạc 1**

Ngành đào tạo: **Đại học Sư phạm Âm nhạc**

Số tín chỉ: 3 Mã môn học:

Loại môn học: **Bắt buộc**

1. Thông tin về giảng viên:

1.1 Giảng viên:

- Họ và tên: *Mai Linh Chi*
- Chức danh khoa học: Thạc sỹ Nghệ thuật Âm nhạc
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW
- Điện thoại, email: Email:

1.2. Giảng viên:

- Họ và tên: *Nguyễn Thị Phương Mai*
- Chức danh khoa học: Thạc sỹ Nghệ thuật Âm nhạc
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW
- Điện thoại, email: Email:

1.3. Giảng viên:

- Họ và tên: *Phạm Xuân Cảnh*
- Chức danh khoa học: Cử nhân Âm nhạc
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW
- Điện thoại, email: Email:

1.4. Giảng viên:

- Họ và tên: *Trần Thanh Hương*
- Chức danh khoa học: Thạc sỹ Nghệ thuật Âm nhạc
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW
- Điện thoại, email: Email:

2. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học Lý thuyết âm nhạc 1
- Mã môn học: Số tín chỉ: 3
- Loại môn học: **Bắt buộc**
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học kế tiếp: Lý thuyết âm nhạc 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Thực hành (thảo luận...): 22 tiết
 - + Tự học (tự NC): 3 tiết

3. Mục tiêu môn học

3.1. Mục tiêu chung

Học xong môn Lý thuyết âm nhạc 1, sinh viên có được:

- **Kiến thức**

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về âm thanh, nhịp, quãng và hợp âm.
- Hiểu được các ký hiệu về nốt nhạc, trường độ, các quãng tám và một số ký hiệu thông thường ghi trên bản nhạc.
- Hiểu được ý nghĩa các loại nhịp, tiết tấu đảo phách và nghịch phách, các loại quãng và hợp âm, từ đó vận dụng vào phân tích tác phẩm âm nhạc.

- **Kỹ năng**

- Nhận biết được nốt nhạc trên khóa son và khóa pha ở các quãng tám.
- Nhận biết được các loại nhịp: nhịp đơn, nhịp kép, nhịp biến đổi, nhịp hỗn hợp.
- Biết cách phân nhóm trường độ ở loại nhịp đơn và nhịp kép.
- Nhận biết được các ký hiệu cơ bản trên bản nhạc.
- Viết được quãng đơn, quãng kép và đảo quãng.
- Viết được các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy và các thể đảo.

- **Thái độ**

Nhận thức được tầm quan trọng của môn Lý thuyết âm nhạc 1, bởi môn học này cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng vào các môn học khác như: xướng âm, hòa thanh, phân tích tác phẩm, thanh nhạc, nhạc cụ...

3.2. Mục tiêu chi tiết môn học

3.2.1. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu Nội dung	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Nội dung 1 Âm thanh và lối ghi nhạc	I.A.1 Nêu được các khái niệm về âm thanh trong âm nhạc. I.A.2 Nêu được hệ thống âm thanh trong âm nhạc, các bậc cơ bản của hàng âm và các ký hiệu âm nhạc. I.A.3. Nêu được hệ thống bình quân, cung và nửa cung diatonic ; cung và nửa cung chromatic I.A.4. Nêu được các nhóm quãng tám.	I.B.1. Phân biệt các khái niệm về âm thanh trong âm nhạc I.B.2. Luyện tập các ký hiệu âm nhạc, từ đó nhận biết các ký hiệu đó trong tác phẩm âm nhạc I.B.3. Hiểu được các nhóm quãng tám và vận dụng vào phân biệt các nhóm quãng tám trong tác phẩm âm nhạc.	
Nội dung 2	II.A.1 Nêu được các	II.B.1. Phân biệt	II.C. Phân biệt

<p>Nhịp điệu - Nhịp - Nhịp độ</p>	<p>khái niệm về nhịp điệu, trường độ cơ bản và trường độ tự do. II.A.2. Hiểu được đặc điểm của trọng âm, tiết nhịp, phách, loại nhịp, ô nhịp, vạch nhịp và nhịp lấy đà. Tiết tấu đảo phách và nghịch phách II.A.3. Nêu được khái niệm các loại nhịp : nhịp đơn, nhịp kép, nhịp hỗn hợp, nhịp biến đổi và cách phân nhóm trường độ các loại nhịp đó. II.A.4. Nêu được một số thuật ngữ cơ bản chỉ nhịp độ.</p>	<p>được trường độ cơ bản và trường độ tự do. II.B.2. Luyện tập nhóm trường độ ở nhịp đơn (2/4, 3/4, 3/8) và nhịp kép (4/4, 6/8)</p>	<p>được các loại nhịp đơn, nhịp kép, nhịp hỗn hợp nhịp biến đổi và tính chất của các loại nhịp.</p>
<p>Nội dung 3 Quãng, quãng đơn, quãng ghép, đảo quãng</p>	<p>III.A.1. Nêu được khái niệm về quãng, độ lớn số lượng và độ lớn chất lượng của quãng. III.A.2. Hiểu được quãng diatonic và quãng chromatic III.A.3. Nêu được đặc điểm của quãng đơn và quãng ghép, đảo quãng đơn và đảo quãng ghép</p>	<p>III.B.1. Nắm được cách tính độ lớn số lượng và độ lớn chất lượng của quãng, từ đó áp dụng vào tính quãng đơn và quãng ghép. III.B.2. Thực hành viết các quãng diatonic và quãng chromatic III.B.2. Thực hành phân tích quãng trong tác phẩm âm nhạc</p>	<p>III.C.1. Phân biệt được sự khác nhau giữa quãng diatonic và quãng chromatic III.C.2. Nêu được ý nghĩa các loại quãng trong tác phẩm âm nhạc</p>
<p>Nội dung 4 Hợp âm, hợp âm ba và hợp âm bảy</p>	<p>IV.A.1. Nêu được khái niệm về hợp âm, chồng âm, hợp ba, hợp âm bảy và các thể đảo.</p>	<p>IV.B.1. Luyện viết các dạng hợp âm ba, các dạng hợp âm bảy với các thể đảo,</p>	<p>IV.C. Phân biệt màu sắc của hai loại hợp âm: hợp âm ba và hợp âm</p>

	IV.A.2. Viết được các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy với các thể đảo, ký hiệu hợp âm.	ký hiệu hợp âm. IV.B.2. Thực hành phân tích các hợp âm trong tác phẩm âm nhạc	bảy trong tác phẩm âm nhạc
--	---	--	----------------------------

Chú giải:

- Bậc 1: Nhớ, biết (A)
- Bậc 2: Hiểu, áp dụng (B)
- Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá (C)
- Số La mã: Chương
- Số Ả rập: Thứ tự mục tiêu.

3.2.2. Bảng tổng hợp mục tiêu chi tiết

Mục tiêu Nội dung	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Tổng
Nội dung 1	4	3	0	7
Nội dung 2	4	2	1	7
Nội dung 3	3	3	2	5
Nội dung 4	2	2	1	5
Tổng	13	10	4	27

4. Tóm tắt nội dung môn học

Lý thuyết âm nhạc 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm nhạc như: cao độ, trường độ, nhịp, quãng và hợp âm.

Lý thuyết âm nhạc 1 bao gồm 4 chương, ở mỗi chương đã đề cập đến từng nhân tố trong âm nhạc. Chương 1 là hệ thống các khái niệm về âm thanh, cao độ (bậc cơ bản của hàng âm, bậc cơ bản, bậc chuyên hóa), trường độ (trường độ cơ bản, dấu lặng) và những ký hiệu ghi trên bản nhạc. Tiếp đến chương 2 là các khái niệm về nhịp và loại nhịp trong âm nhạc. Ở chương này sinh viên được tìm hiểu cấu tạo các loại nhịp, cách liên kết các trường độ và tính chất âm nhạc của chúng. Trong chương 3 là chương đề cập đến các vấn đề về quãng như: quãng đơn, quãng ghép, quãng diatonic, quãng chromatic... Và chương 4 là chương nói về các loại hợp âm, trong đó sinh viên được nghiên cứu sâu hơn ở hai loại hợp âm đó là hợp âm ba và hợp âm bảy.

Môn Lý thuyết âm nhạc 1 là môn học mà phần lý thuyết được kết hợp chặt chẽ với với phần thực hành. Vì thế ngoài phần lý thuyết, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng làm các dạng bài tập như: bài tập về nhịp, quãng, hợp âm... điều đó giúp sinh viên nắm vững những kiến thức đã học đồng thời là cơ sở để áp dụng vào các môn học âm nhạc tiếp theo.

5. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1: ÂM VÀ LỜI GHI NHẠC

1.1. Khái niệm về âm thanh

1.1.1. Khái niệm

1.1.2 Các thuộc tính cơ bản của âm thanh

1.2. Hệ thống âm thanh và bậc cơ bản của hàng âm

1.3. Các ký hiệu ghi độ cao và ghi độ dài

1.4. Hệ thống bình quân; cung và nửa cung; các bậc chuyển hóa; trùng âm.

1.5. Nửa cung và một cung diatonic; nửa cung và một cung chromatic

1.6. Nhóm quãng tám và ký hiệu nốt nhạc bằng chữ.

1.7. Dấu viết tắt và một số ký hiệu khác ghi trên bản nhạc

CHƯƠNG 2: NHỊP ĐIỀU – NHỊP – NHỊP ĐỘ

2.1. Nhịp điệu, trường độ cơ bản và trường độ tự do

2.1.1. Khái niệm nhịp điệu

2.1.2. Trường độ cơ bản và trường độ tự do

2.3. Nhịp và các loại nhịp

2.3.1. Khái niệm: Trọng âm, tiết nhịp, phách, loại nhịp, ô nhịp, vạch nhịp, nhịp lấy đà.

2.3.2. Nhịp đơn

2.3.3. Nhịp kép

2.3.4. Nhịp hỗn hợp

2.3.5. Nhịp biến đổi

2.4. Đảo phách, nghịch phách.

2.5. Nhịp độ

CHƯƠNG 3: QUÃNG

3.1. Khái niệm: Quãng hòa thanh, quãng giai điệu, độ lớn số lượng và chất lượng của quãng

3.2. Các quãng cơ bản, quãng diatonic

3.4. Quãng tăng, quãng giảm, quãng chromatic

3.5. Quãng trùng

3.6. Quãng đơn, quãng ghép

3.5. Đảo quãng

3.7. Quãng thuận, quãng nghịch

CHƯƠNG 4: HỢP ÂM

4.1. Khái niệm hợp âm và chồng âm

4.2. Hợp âm ba

4.3. Hợp âm bảy

4.4. Một số loại hợp âm khác (hợp âm 9, hợp âm 11...; hợp âm trong nhạc nhẹ...)

6 . Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tô Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân (2012), *Giáo trình môn lý thuyết âm nhạc*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW.

2. Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh (2005), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Giáo trình dành cho Hệ trung học âm nhạc chuyên nghiệp, Nhạc Viện Hà nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

3. V.A.Vakhrameep (1982), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Văn hóa.

4. Phạm Tú Hương (2007), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học sư phạm.

5. Phạm Tú Hương (2008), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học sư phạm.

6. Đỗ Hải Lễ (1996), *Lý thuyết cơ bản về âm nhạc*, Trường CDSP Nhạc Họa TW.

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG

BỐ CỤC CHẤT LIỆU SƠN MÀI

I. Mục tiêu:

- **Kiến thức**

- Hiểu được khái niệm cơ bản, sự hình thành, phát triển của nghề sơn truyền thống và chất liệu sơn mài. Vị trí vai trò của môn chất liệu sơn mài đối với học tập và sáng tác mỹ thuật, nắm được chương trình giảng dạy sơn mài ở hệ Đại học.

- Hiểu được các yếu tố cơ bản, khả năng biểu đạt của chất liệu sơn mài và phương pháp thực hành vẽ tranh sơn mài.

- **Kỹ năng**

- Nắm vững phương pháp, kỹ thuật vẽ tranh sơn mài.

- Thực hiện hoàn chỉnh những bài tập thực hành của bộ môn theo tiêu chí đã học.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kỹ năng sử dụng chất liệu sơn mài...

- **Thái độ**

- Nhận thức được tầm quan trọng của bộ môn bố cục chất liệu sơn mài trong quá trình học tập mỹ thuật.

- Có nhận thức thẩm mỹ đúng đắn, trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tranh sơn mài và nghề sơn truyền thống.

- **Mục tiêu khác**

- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu độc lập, làm việc theo nhóm.

II. Tài liệu học tập

- *Giáo trình Bố cục chất liệu sơn mài (2014); Nguyễn Quang Hải - Hệ Đại học Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.*

- *Phạm Đức Cường (1997), Kỹ thuật sơn mài, Nxb Mỹ thuật.*

- *Lê Huyền (1995), Nghề sơn cổ truyền Việt Nam, Nxb Mỹ thuật.*

III. Nội dung bài bố cục sinh hoạt

* Khái quát về Tranh bố cục sinh hoạt

Tranh bố cục sinh hoạt là thể loại tranh nói về các hoạt động của con người trên nhiều lĩnh vực: Lao động sản xuất, chiến đấu, học tập và các sinh hoạt trong gia đình....

* Giới thiệu khái quát về bố cục chất liệu Sơn mài

1. Khái niệm nghề sơn và sơn mài.

2. Quá trình phát triển tranh sơn mài Việt Nam

3. Tính chất, đặc điểm tranh sơn mài VN.

- Trường tồn với thời gian.

- Bề mặt phẳng, nhẵn, bóng.

- Biểu cảm.

*** Nội dung thực hiện**

Bước 1- Tìm phác thảo bố cục

Với sơn mài một chất liệu có đặc trưng màu được mài bởi nhiều lớp màu vẽ chồng lên nhau. Trong xử lý chất liệu việc cho phép sửa đổi các mảng hình gặp rất nhiều khó khăn. Bởi vậy việc làm phác thảo kỹ lưỡng là một bước quan trọng không thể thiếu trong quy trình thể hiện tác phẩm.

Tìm phác thảo trắng đen và phác thảo màu (thường được vẽ bằng màu bột) dựa theo ý tưởng và đề tài.

Bước 2- Tìm hình - phóng lớn phác thảo

Phóng lớn phác thảo là bước chuyển từ phác thảo nhỏ thành bức vẽ có kích thước tranh dự kiến (kích thước của vóc), người ta thường vẽ bằng than để dễ chỉnh sửa các chi tiết cho tranh thêm tinh tế. Đây là bước không kém phần quan trọng bởi khi vẽ trực tiếp lên vóc, chi tiết được vẽ trước, hay những gì cần rõ ràng, mạch lạc nhất sẽ được vẽ ở lớp đầu tiên. Ở bước này, người vẽ tranh cái khó nhất là phải vẽ đủ các chi tiết mà hơn cả phải truyền tải được tinh thần từ phác thảo lên tranh thuận với ý của mình.

Bước 3- Can hình lên vóc

Sau khi đã có bản vẽ phóng lớn với đầy đủ chi tiết bằng đúng với kích thước tranh, người ta vẽ sẽ vẽ tranh lên vóc. Với sơn mài, các chi tiết cụ thể nhất, đúng nhất, đẹp nhất sẽ được vẽ ở những lớp đầu tiên và đây là điều làm nên sự khác biệt giữa cách vẽ sơn mài với các chất liệu khác, cũng có thể xem là một quy trình ngược - là điều mà chủ yếu dẫn đến những hạn chế, cản trở chính trong việc phổ biến chất liệu này.

Thao tác trên vóc gồm các bước tuần tự sau đây:

- Đầu tiên: gắn vỏ trứng, ốc, xà cừ...: Còn gọi chung là công đoạn cần trứng.
- Tiếp theo là vẽ nét: là công đoạn tiếp theo - Các đường nét, các chi tiết cụ thể nhất thường được vẽ bằng sơn .
- Cuối cùng là vẽ màu: sơn ta trộn với sơn hoặc phẩm màu (bao gồm cả việc xử lý bạc) được vẽ trực tiếp và vẽ phủ lên những lớp vỏ trứng hay nét đen đã vẽ trước đó.

Bước 4 - Mài- vẽ

Là bước bắt buộc đối với sơn mài truyền thống. Mài tranh bằng nước với giấy giáp. Độ giáp của giấy ngày càng giảm theo quá trình hoàn tất tranh.

Tranh, sau khi đã vẽ đủ tối thiểu là ba lớp màu có xử lý bạc và một lớp màu phủ cuối cùng, chờ khô, sẽ đem mài với giấy giáp và nước, các lớp màu và hình sẽ dần hiện ra cùng với các chi tiết.

Khi mài tranh cũng là lúc tìm ra tương quan của tranh nên đến đâu là vừa, việc dừng lại hay mài tiếp tùy thuộc vào con mắt ngắm của người vẽ mài nên công đoạn này có tên "mài-vẽ" là vì thế.

Bước 5 - Hoàn tất tranh

Toát sơn và đánh bóng

Toát sơn: Là từ chuyên môn chỉ việc phủ đều một lớp sơn chín - pha loãng với dầu hỏa, lên toàn bộ mặt tranh, tỉ lệ pha tùy theo kinh nghiệm vẽ, nên pha thật loãng nếu tranh đã có tương quan tốt - độ sáng tối vừa đủ, sau đó ủ chờ khô để đánh bóng.

Đánh bóng: là công đoạn cuối của việc vẽ tranh - với tranh có kích thước nhỏ có thể dùng lòng bàn tay (với tranh lớn dùng vải bằng sợi cotton mềm hoặc bông gòn) miết nhanh và mạnh lên mặt tranh.

Câu hỏi

1. Giá trị nghệ thuật của tranh Sơn mài với đề tài sinh hoạt?
2. Sự khác biệt trong tạo hình giữa tranh bố cục Sơn mài và tranh bố cục vẽ bằng chất liệu khác?
3. Tranh bố cục Sơn mài có những ưu điểm, hạn chế nào trong bút pháp thể hiện?

Bài tập phát triển kỹ năng

Tên bài tập:

Thực hành Bố cục chất Sơn mài

Yêu cầu:

Khuôn khổ: 45cm x 60cm

Khai thác được tư liệu ghi chép từ thực tế để sáng tác được tranh bố cục sinh hoạt miền núi bằng chất liệu Sơn mài.

Có kỹ năng xử lý không gian, mảng đậm nhạt trên chất liệu Sơn mài

Tiêu chí đánh giá

Nội dung

- Đạt yêu cầu về ý tưởng nội dung, bố cục, hình, đậm nhạt, màu sắc.
- Thể hiện được kỹ thuật vẽ Sơn mài, có sáng tạo, không sao chép.

Hình thức:

Bố cục hợp lí, hình vẽ đẹp, chính xác, trình bày đúng qui cách.

Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí.

- Có bố cục độc đáo thể hiện ý tưởng nội dung đề tài đặc trưng.
- Hình mảng, đường nét hài hòa, có nhịp điệu, tạo hình đẹp, phù hợp với phong cách thể hiện.
- Có hòa sắc đẹp, tương quan đậm nhạt, gợi không gian tốt.
- Có kỹ năng sử dụng chất liệu, tạo chất, biểu cảm.